

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 30/2025/TB CBTT-ASP

Tp.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Ho Chi Minh City, August 12, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán : **ASP**
Stock Code : *ASP*
- Địa chỉ : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh
-
- Address* : *Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Hochiminh City*
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 12/08/2025 về việc Thông qua và ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
Resolution of the Board of Directors No. 14/2025/HĐQT.NQ-ASP dated August 12, 2025 on Approving and promulgating the Operating Regulations of the Audit Committee of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/08/2025 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website on August 12, 2025, as in the link: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số
14/2025/HĐQT.NQ-ASP
Resolution of the Board of Directors No.
14/2025/HĐQT.NO-ASP

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information

TRẦN DUY LUÂN

Số: 44./2025/HĐQT.NQ-ASP

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2025

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha số 14/2025/HĐQT.BBH-ASP ngày 12/08/2025;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua và ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (Quy chế đính kèm).

Điều 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các Phòng/bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu Phòng PL.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TUO CHỦ TỊCH HĐQT



KOBAYASHI NAOKI
Thành viên HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
ỦY BAN KIỂM TOÁN
監査委員会の運用規則
草案

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2025

ホーチミン市、2025 年 月 日



Sign

MỤC LỤC / 目次

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
第 1 条 : 調整範囲と適用対象	
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ủy Ban kiểm toán.....	3
第 2 条 : 監査委員会の運用規則	
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ	4
第 3 条 : 定義と用語	
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ủy Ban kiểm toán.....	5
第 4 条 : 監査委員会の権限、義務、責任	
Điều 5. Thành phần, tiêu chuẩn và điều kiện Ủy ban kiểm toán.....	7
第 5 条 : 監査委員会の構成員、基準、条件	
Điều 6. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	9
第 6 条 : 監査委員会の会議	
Điều 7. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	9
第 7 条 : 定時株主総会における監査委員会の独立役員メンバーの運用報告	
Điều 8. Hiệu lực thi hành.....	10
第 8 条 : 有効日	

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

第 1 条 : 調整範囲と適用対象

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được xây dựng, ban hành nhằm cụ thể, chi tiết các quy định về thực thi nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ủy Ban kiểm toán được áp dụng cho Ủy Ban kiểm toán và Thành viên Ủy ban kiểm toán.

1. 調整範囲：AN PHA PETROLEUM GROUP JSC の監査委員会運用規則（以下「規則」という）は、会社定款、株主総会及び取締役会の決議事項の実施状況を確認及び監督する業務並びに法規制に基づく監査委員会の業務遂行に関する規則を詳細に規定するために策定及び発布される。

2. 適用対象：監査委員会運用規則は、監査委員会及び監査委員会のメンバーに適用される。

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ủy Ban kiểm toán

第 2 条 : 監査委員会の運用規則

1. Ủy ban kiểm toán hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và các quy định tại Quy chế này. Ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Ủy ban kiểm toán thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là người điều phối công việc chung của Ủy ban kiểm toán. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán ủy quyền cho một thành viên Ủy ban kiểm toán thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ủy ban kiểm toán.

1. 監査委員会は、企業法、定款、株主総会の決議・決定並びに本規則の規定に従って運用する。監査委員会は、企業法及び会社定款に定められた義務及び責任の遂行について取締役会に対し責任を負う。

2. 監査委員会は、会社及び株主の正当な利益を最大限に確保するため、与えられた権利及び義務を誠実かつ慎重に遂行する。

3. 監査委員会委員長は、監査委員会の全般的な業務を監督する。監査委員会委員長は、監査委員会の会議を招集し、議長を務める。監査委員会委員長が欠席する場合、監査委員会のメンバーに議長を務め、監査委員会の業務を代理で処理することを委任する。

4. Ủy ban kiểm toán phải báo cáo trực tiếp bằng văn bản với Hội đồng quản trị và không bị can

thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định luật pháp.

5. Thành viên Ủy ban kiểm toán thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.

6. Thành viên Ủy ban kiểm toán không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi việc tiết lộ thông tin theo yêu cầu pháp luật.

7. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải trung thực, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các kết luận của mình.

4. 監査委員会は、取締役会に直接書面で報告し、会社がすべての法的規制を遵守することを確保するため、その業務遂行において干渉を受けてはならない。

5. 監査委員会メンバーは、法令および関連規制を遵守して業務を遂行しなければならない、また、監査専門職としての評判に影響を与える活動に参加してはならない。

6. 監査委員会メンバーは、法令により開示が義務付けられている場合を除き、提供された情報を開示してはならない。

7. 監査委員会メンバーは、自分の結論を出すにあたり、誠実であり、いかなる人物からも影響を受けてはならない。

Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

第3条：定義と用語

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. 本規則において、以下の用語は、それぞれ以下のように解釈される：

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

a) 定款資本とは、株式会社設立時に売却または購入により登録された株式の額面総額であり、AN PHA PETROLEUM GROUP JSC 定款第 6 条に規定される。

b) 企業法とは、2020 年 6 月 17 日にベトナム社会主義共和国国会で可決された企業法第 59/2020/QH14 号および 2025 年 6 月 17 日にベトナム社会主義共和国国会で可決された法律第 76/2025/QH15 号である。

c) 証券法とは、2019 年 11 月 26 日にベトナム社会主義共和国国会で可決された証券法第 54/2019/QH14 号である。

d) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

f) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

d) 企業経営者とは、取締役会長、取締役メンバー、及び株主総会又は取締役会によって選任された総社長を含む、会社を管理する者である。

e) 関連者とは、証券法第4条第46項に規定される個人又は組織である。

f) 株主とは、株式会社の株式を少なくとも1株保有する個人又は組織である。

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

2. 本規則において、他の規定または文書への言及には、改正、補足、または代替文書が含まれる。

3. 見出し（本規則の条項）は、内容を理解するための便宜のために用いられるものであり、本規則の内容に影響を与えるものではありません。

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ủy Ban kiểm toán

第4条：監査委員会の権限、義務、責任

1. Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;

2. Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

1. 会社の財務諸表及び会社決算結果に関連する公式発布の生年月日完全性を監視する。

2. 内部統制及びリスク管理の体制をレビューする。

3. 取締役会又は株主総会の承認権限に基づき関連当事者との取引を審査し、取締役会又は株主総会の承認を必要とする取引について勧告を行う。

4. 会社の内部監査課を監督する。

5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với

công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;

5. 独立監査法人、監査法人との報酬水準及び契約条件について、定時株主総会に提出する前に取締役会の承認を得るよう勧告する。

6. 監査法人の独立性及び客観性並びに監査過程の効率化を監視及び評価する、特に、会社が監査法人の非監査サービスを利用する場合。

7. 会社が法規制、管轄機関の要請事項及びその他の内部規則を遵守していることを確保するための監督する。

8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;

10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

8. 会社の活動に関連する文書を閲覧し、取締役会の他の役員メンバー、総社長、会計長、その他の管理者と協議して、監査委員会の業務に必要な情報を収集する権利を有する。

9. 監査委員会の会議において、承認された監査法人の代理人に出席を要請し、監査済み財務報告書に関する質問に回答する権利を有する。

10. 必要に応じて、法令、会計、その他の外部コンサルティングサービスを利用する権利を有する。

11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;

12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;

11. リスクの検出および管理に関する方針を策定し、取締役会に提出する、また、会社の活動において生じるリスクへの対応策を取締役に提案する。

12. 取締役会、総社長、その他の管理者が企業法および会社定款に定められた責任を十分に

果たしていないことが判明した場合、取締役会に書面による報告書を提出する。

13. 監査委員会の運用規則を策定し、取締役会に提出して承認を得る。

Điều 5. Thành phần, tiêu chuẩn và điều kiện Ủy ban kiểm toán

第5条：監査委員会の構成員、基準、条件

1. Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. 監査委員会は2名メンバーで構成される。委員長は取締役会の独立役メンバーでなければならない。その他のメンバーは取締役会の非執行メンバーでなければならない。

2. 監査委員会のメンバーは、会計、監査に関する知識を有し、法令及び会社の活動に関する全般的な理解を有し、以下の場合には該当しません：

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

a) 会社の経理・財務課に勤務していること。

b) 過去3年間で、会社の財務諸表の監査を承認された監査主体のメンバーまたは従業員であること。

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

4. Nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán:

3. 監査委員会委員長は、定款に別段の定めがない限り、経済学、財務学、会计学、監査学、法学、経営学のいずれかの専攻分野において大学卒業以上の学位を取得していなければならない。

4. 監査委員会委員長の任務：

a) Điều phối công việc chung của Ủy ban kiểm toán.

b) Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

c) Thay mặt Ủy ban kiểm toán ký các văn bản, báo cáo, tài liệu, hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ chung của Ủy ban kiểm toán.

d) Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng quý, hàng năm.

e) Chịu trách nhiệm đôn đốc các thành viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của

Ủy ban kiểm toán; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ủy ban kiểm toán.

- a) 監査委員会の全般的な業務を監督する。
- b) 取締役会の承認を得た後、監査委員会運用規則の策定、改正、補足および発布を施行する。
- c) 監査委員会を代理して、監査委員会の全般的な業務に関連する文書、報告書、資料および記録に署名する。
- d) 四半期および年次の確認・監督アジェンダおよび計画を実施する。
- e) 監査委員会メンバーに対し、監査委員会の任務と権限を遂行するよう各メンバーに促し、任務を割り当てる責任を負う；監査委員会の会議を招集し、議長を務める。
- f) Ủy quyền cho thành viên đảm nhiệm công việc của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán trong thời gian vắng mặt.
- g) Đề nghị Hội đồng Quản trị tổ chức phiên họp bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- h) Điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- i) Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ủy ban kiểm toán được gửi đến Đại hội đồng Cổ đông.
- j) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- f) 監査委員会委員長が不在時に、メンバーにその業務を代理する権限を委任する。
- g) 法令、定款及び株主総会の決議事項に違反する事態に対処するため、臨時取締役会会議の招集を提案する。
- h) 委員長が欠席または一時的に業務を遂行できない場合、または取締役会の他のメンバーが議長を選任できない場合、株主総会を運営し、議長を選任する。この場合、最多得票者が議長となる。
- i) 監査委員会が株主総会に提出する定期報告書又は臨時報告書に記載した内容について責任を負う。
- j) 法令及び定款に定めるその他の業務。

5. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

6. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán, thành viên Ủy ban kiểm toán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công

bổ trong Báo cáo thường niên của Công ty.

5. 監査委員会委員長及びその他の監査委員会メンバーの選任は、取締役会会議において取締役会の承認を得なければならない。

6. 監査委員会及び監査委員会メンバーの報酬及び運用費用は、株主総会において決議され、定時株主総会において報告され、かつ、会社の年次報告書において開示されなければならない。

Điều 6. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

第 6 条：監査委員会の会議

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

1. 監査委員会は、少なくとも会議を年に2回開催しなければならない。会議の議事録は詳細かつ明瞭に記載し、完全に保存しなければならない。議事録作成者及び会議に出席した監査委員会メンバーは、議事録に署名しなければならない。

2. 監査委員会は、会議における議決、書面による意見採取、又は会社定款に定めるその他の方法により、決議を行う。監査委員会メンバーはそれぞれ 1 票の議決権を有する。監査委員会の決議は、会議に出席したメンバーの過半数の賛成があれば可決される；可否同数の場合、最終決議は監査委員会委員長の意見側に属する。

Điều 7. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

第 7 条：年次株主総会における監査委員会の独立役員メンバーの運用報告

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. 監査委員会における独立役員メンバーは、定時株主総会において運用を報告する責任を負う。

2. 定時株主総会における監査委員会の独立役員メンバーの運用報告には、以下の内容を含むものとする：

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

a) 企業法に規定される監査委員会及び監査委員会各メンバーの報酬、運用費用、その他の利益。

b) 監査委員会会議の要旨並びに監査委員会の結論及び勧告。

c) 会社の財務諸表、事業状況及び財政状況の監査結果。

d) 会社、子会社、会社が定款資本の 50%以上を支配している他の会社と当該企業の取締役会、総社長、その他の役員メンバーおよびその関係者との間の取引；取引日前 3 年以内にその会社と、取締役メンバー、総社長、その他の経営者が創業者または企業経営者となっている会社との間の取引に関する評価報告。

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

h) Các nội dung khác (nếu có).

đ) 会社の内部監査及びリスク管理体制の評価結果。

e) 取締役会、総社長及びその他の役員メンバーに対する監督結果。

g) 監査委員会と取締役会、総社長及び株主との間の業務連携に関する評価結果。

h) その他の内容（ある場合）。

Điều 8. Hiệu lực thi hành

第 8 条：発行日

Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha bao gồm 8 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 08 năm 2025

Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

AN PHA PETROLEUM GROUP JSC の監査委員会運用規則は 8 条から成り、2025 年...
月...日から発効します。

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TUQ CHỦ TỊCH HĐQT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



KOBAYASHI NAOKI

Thành viên HĐQT

